

Số: 624/2019/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 22 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 600/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Bà Đặng Thị Thu H1, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Phường M2, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Ngọc H2, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Phường M2, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét thấy, hôn nhân giữa bà Đặng Thị Thu H1 và ông Nguyễn Ngọc H2 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn không số ngày 20 tháng 01 năm 1999 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được về tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con.

[3] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Trung tâm Hòa giải - Đối thoại tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp và Đơn yêu cầu của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Thu H1 và ông Nguyễn Ngọc H2 thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn không số ngày 20 tháng 01 năm 1999 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa hết hiệu lực).

1.2. Về con chung: Có 02 con tên là Nguyễn Đăng Anh T1, sinh ngày 04 tháng 8 năm 1999 - Đã thành niên và Nguyễn Đăng Anh T2, sinh ngày 21 tháng 6 năm 2006. Hai bên thỏa thuận giao trẻ Nguyễn Đăng Anh T2 cho bà Đặng Thị Thu H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Ngọc H2 cấp dưỡng nuôi trẻ Nguyễn Đăng Anh T2 mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), bắt đầu thực hiện từ tháng 6 năm 2019 đến khi trẻ thành niên. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Nguyễn Ngọc H2 được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

Kể từ ngày bà Đặng Thị Thu H1 có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Nguyễn Ngọc H2 chưa thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng ông Nguyễn Ngọc H2 còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

1.3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) do bà Đặng Thị Thu H1 và ông Nguyễn Ngọc H2 chịu, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí mà ông bà đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0000683 ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- Viện KSND Q.Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q.Gò Vấp;
- UBND xã N, H. H, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Trần Văn Điệp**